

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN HIỀN PHƯƠNG *

Trong hệ thống pháp luật an sinh xã hội của các quốc gia, trợ giúp xã hội là một trong những bộ phận cấu thành quan trọng. Cùng với các bộ phận khác, pháp luật về trợ giúp xã hội có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, ổn định đời sống tối thiểu cho một bộ phận những thành viên “yếu thế” trong xã hội, giảm khoảng cách giàu nghèo, góp phần thúc đẩy công bằng và tiến bộ xã hội.

Với việc nhận thức đúng đắn vai trò của pháp luật trợ giúp xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các quy định pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện và ngày càng hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn khách quan. Tuy nhiên, thực trạng pháp luật trợ giúp xã hội còn bộc lộ nhiều hạn chế. Những hạn chế cơ bản thể hiện ở sự bất hợp lý trong việc quy định tiêu chí xác định đối tượng trợ giúp xã hội, phạm vi đối tượng trợ giúp xã hội; mức trợ cấp còn quá thấp, không đảm bảo cuộc sống tối thiểu của đối tượng, làm giảm ý nghĩa, vai trò của trợ cấp; bất hợp lý trong việc phân bổ nguồn tài chính thực hiện trợ giúp xã hội; thiếu các quy định trong giải quyết tranh chấp, khiếu tố về trợ giúp xã hội... Những hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến mục đích của trợ giúp xã hội nói riêng và an sinh xã hội nói chung. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật trợ giúp xã hội

là yêu cầu có tính khách quan trong bối cảnh hiện nay.

1. Hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực và quản lý sử dụng nguồn lực trợ giúp xã hội

Theo pháp luật hiện hành, tài chính thực hiện trợ giúp xã hội được đảm bảo từ ngân sách nhà nước phân bổ cho hai chế độ trợ cấp thường xuyên và đột xuất. Việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính này được thực hiện theo cơ chế lên kế hoạch cấp đối với trợ cấp thường xuyên và chủ động chi từ ngân sách địa phương đối với trợ cấp đột xuất. Như vậy, sự phụ thuộc nhiều vào ngân sách địa phương dẫn đến sự khác nhau trong mức hưởng của các đối tượng, thậm chí ở những địa phương nguồn thu ít, liên tiếp gặp rủi ro, thiên tai, đối tượng cứu trợ nhiều lại càng khó khăn hơn trong việc đảm bảo trợ cấp. Mặt khác, chúng ta lại chưa có cơ chế quản lý và sử dụng nguồn tài chính phù hợp và hiệu quả dẫn đến những khó khăn trong việc huy động nguồn lực cộng đồng, hạn chế đáng kể cho công tác xã hội hoá hoạt động trợ giúp xã hội.

Giải pháp cho những hạn chế này được cụ thể hoá bằng việc gấp rút ban hành quy định thành lập quỹ trợ giúp xã hội thống nhất

* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

từ trung ương đến địa phương làm cơ sở huy động nguồn lực, quản lý và điều tiết tài chính, đảm bảo chi trả trợ cấp công bằng, kịp thời cho đối tượng. Quỹ được phân bổ theo hai nội dung chính là trợ giúp thường xuyên và trợ giúp đột xuất tương ứng với hai nội dung chính của chế độ trợ giúp xã hội. Nguồn hình thành quỹ không chỉ từ ngân sách nhà nước mà còn bao gồm cả nguồn lực từ sự đóng góp, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Cần có những quy định thông thoáng, tránh gây phiền hà, rắc rối, phức tạp cho các tổ chức, cá nhân có lòng hảo tâm tự nguyện đóng góp, hỗ trợ quỹ nhưng phải có cơ chế công khai tài chính, kiểm tra, thanh tra chặt chẽ nhằm đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng... tạo lòng tin cho cộng đồng dân chúng. Nguồn chi của quỹ chủ yếu đảm bảo các chế độ trợ cấp cho các đối tượng trên cơ sở mức trợ cấp tối thiểu được pháp luật quy định, căn cứ vào khả năng tài chính cụ thể của quỹ để nâng cao quyền lợi hưởng cho đối tượng. Việc quản lý quỹ được thực hiện theo chế độ tài chính của Nhà nước và nên giao cho Bộ LĐTB&XH trực tiếp quản lý nhằm khắc phục tình trạng một cơ quan thực hiện (Bộ LĐTB&XH), một cơ quan quản lý tài chính (Bộ tài chính) dẫn đến nhiều bất cập như hiện nay.

Đây cần phải coi là giải pháp cơ bản, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ hoạt động trợ giúp bởi mọi quy định có liên quan sẽ trở nên hình thức nếu không được đảm bảo thực hiện bởi nguồn tài chính ổn định, đủ mạnh đáp ứng các nhu cầu trợ giúp.

2. Mở rộng phạm vi, đối tượng hưởng trợ giúp xã hội có tính đến khả năng đáp ứng của điều kiện kinh tế xã hội hiện nay

Mở rộng phạm vi đối tượng bảo vệ của pháp luật trợ giúp xã hội là mong muốn không chỉ của riêng quốc gia nào, đặc biệt ở Việt Nam với nhu cầu trợ giúp rất lớn. Tuy nhiên, do những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, pháp luật hiện hành mới chỉ quy định phạm vi áp dụng có giới hạn nhất định theo nguyên tắc ưu tiên về mức độ khó khăn. Một bộ phận dân cư không nhỏ có nhu cầu trợ giúp, thậm chí đáp ứng được yêu cầu thụ hưởng theo luật định vẫn chưa tiếp cận được với chế độ này. Hơn nữa, ngay trong nhóm đối tượng thuộc phạm vi áp dụng cũng có nhiều bất hợp lý thể hiện ở việc chưa xác định và phân loại đúng đối tượng dẫn đến lãng phí nguồn tài chính vốn đã eo hẹp.

Theo chúng tôi, trong giải pháp mở rộng phạm vi đối tượng trợ giúp cần thực hiện song song hai nội dung: Một là, bổ sung thêm một số đối tượng thực sự có nhu cầu trợ giúp; hai là, rà soát lại các tiêu chí xác định đối tượng hưởng trong từng nhóm để sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính công bằng, hợp lý.

Trên cơ sở khả năng đáp ứng của điều kiện kinh tế và nhu cầu đảm bảo cuộc sống của một số nhóm đối tượng, trong thời gian tới cần mở rộng đối tượng trợ giúp xã hội, bao gồm:

- Người có thu nhập thấp. Cần xác định là người có thu nhập dưới 1/2 mức chuẩn nghèo do không tìm được việc làm, thất nghiệp theo quy định pháp luật hoặc việc làm bấp bênh.

- Phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ. Cần xác định họ phải thuộc diện đói nghèo (căn cứ vào mức chuẩn nghèo) và tuổi người con dưới 15 tuổi. Rất nhiều quốc gia quy định đối tượng này được hưởng chế độ trợ cấp gia đình, Việt Nam không quy định chế độ này. Theo điều tra thực tế cho thấy một bộ phận phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn chưa được sự bảo vệ của hệ thống an sinh, họ thực sự có nhu cầu trợ giúp nhằm đảm bảo cuộc sống và hỗ trợ phát triển thể hệ tương lai của đất nước.

- Người bị nhiễm HIV/AIDS sống tại cộng đồng. Hiện nay, đối tượng bị nhiễm HIV/AIDS được hưởng trợ giúp xã hội là những đối tượng sống trong các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước (theo Quyết định số 313/2005/QĐ-TTg). Nhóm đối tượng nhiễm HIV/AIDS không được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ là những người bị giảm hoặc mất khả năng lao động, sống trong hộ gia đình nghèo hoặc không có gia đình, thân nhân chăm lo cũng thực sự cần được trợ giúp. Với mục đích nhân đạo chúng ta cần thực hiện trợ giúp cho nhóm đối tượng này nhằm đảm bảo cuộc sống cho họ.

- Cá nhân và gia đình nhận nuôi dưỡng người già cô đơn không nơi nương tựa. Hiện nay, chúng ta đã thực hiện trợ cấp cho các cá nhân, hộ gia đình nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi (Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17/3/2004). Do vậy, việc bổ sung thêm nhóm đối tượng này là hoàn toàn hợp lý và có tính khả thi cao, phù hợp với chủ trương xã hội hoá công tác trợ giúp xã hội.

- Hộ gia đình nghèo có từ hai người trở

lên bị tàn tật nặng không còn khả năng lao động. Thực tế đời sống của các hộ gia đình nghèo vốn dĩ đã rất vất vả, khó khăn. Trường hợp lại có thêm những người tàn tật nặng, không có khả năng lao động lại càng đẩy cuộc sống của họ vào cảnh khốn cùng. Việc trợ giúp cho các gia đình này xuất phát từ nhu cầu đảm bảo cuộc sống của họ. Hơn nữa, chúng ta cũng đã thực hiện chế độ trợ giúp đối với hộ gia đình có từ hai người trở lên không tự phục vụ được do hậu quả chất độc hoá học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam (Quyết định số 16/1004/QĐ-TTg ngày 5/2/2004). Việc bổ sung thêm tiêu chí hộ gia đình nghèo, có 2 người tàn tật nặng không có khả năng lao động để hưởng trợ cấp là công bằng, hợp lý.

Cùng với việc bổ sung đối tượng hưởng trợ giúp xã hội cũng cần xem xét, sửa đổi các tiêu chí xác định đối tượng này theo pháp luật hiện hành theo hướng linh hoạt, mềm dẻo hơn, loại bỏ những điều kiện không cần thiết. Cụ thể:

- Giảm độ tuổi hưởng trợ cấp đối với đối tượng là trẻ em mồ côi xuống dưới 15 tuổi nhằm phù hợp với thực tế khách quan và quy định về độ tuổi lao động tối thiểu trong pháp luật lao động;

- Phân loại đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thành những trường hợp cụ thể để xác định hình thức trợ giúp phù hợp;

- Xem xét nâng độ tuổi hưởng trợ cấp của người già cô đơn không nơi nương tựa có tính đến các điều kiện khác như sức khoẻ kém không thể tự lao động kiếm sống, không có thu nhập và cuộc sống dưới mức chuẩn

nghèo, không có người thân mới được hưởng trợ cấp nhằm tránh tình trạng trợ giúp chưa đúng đối tượng, thiếu hiệu quả.

3. Thực hiện các giải pháp cải cách về mức trợ cấp trợ giúp xã hội

a. Đối với trợ giúp xã hội thường xuyên cần xác định mức trợ cấp chuẩn, trên cơ sở đó quy định mức trợ cấp cụ thể cho từng nhóm đối tượng.

Mức chuẩn trợ cấp xã hội được hiểu là mức trợ cấp thấp nhất dành cho đối tượng trợ giúp xã hội có hoàn cảnh khó khăn ít nhất so với các đối tượng khác sống tại cộng đồng.

Nguyên tắc xác định mức chuẩn trợ cấp xã hội là phải đảm bảo tính khách quan, khoa học và thực tiễn, hạn chế tình trạng áp đặt ý chí chủ quan của các cơ quan hoạch định chính sách. Việc tính toán mức chuẩn phải dựa vào mục đích đảm bảo các nhu cầu sinh sống tối thiểu cho đối tượng, trong đó một phần là trách nhiệm trợ giúp của Nhà nước, một phần là trách nhiệm của bản thân đối tượng và gia đình. Trường hợp đối tượng không còn gia đình, thân nhân thì Nhà nước phải cung cấp đủ bằng mức sống tối thiểu. Mức chuẩn trợ cấp xã hội phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội cho từng thời kì (như tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, tốc độ tăng tiền lương tối thiểu...) và đặt trong mối quan hệ hài hoà với các trợ cấp khác trong hệ thống an sinh xã hội.

Có thể đề xuất ba phương pháp tính mức chuẩn trợ cấp xã hội như sau:

- Xác định mức chuẩn trợ cấp xã hội dựa vào chi phí tối thiểu cần thiết để duy trì cuộc sống cho một người trong 1 tháng. Mức chi

phí này ít nhất phải bằng chuẩn nghèo áp dụng ở nông thôn trong các giai đoạn (giai đoạn 2006-2010 là 200.000đ/tháng) bởi chuẩn nghèo đã được tính toán trên cơ sở mức chi tiêu tối thiểu để duy trì cuộc sống. Tuy nhiên, mức này được xác định theo giai đoạn 5 năm/lần nên rất có thể không đảm bảo tính kịp thời, phù hợp.

- Xác định mức chuẩn trợ cấp xã hội dựa vào mức tiền lương tối thiểu chung. Mức chuẩn trợ cấp xã hội đề xuất bằng 40-50% tiền lương tối thiểu. Phương pháp này có ưu điểm là khi kinh tế tăng trưởng, đời sống nhân dân tăng lên dẫn đến tiền lương tối thiểu tăng thì trợ cấp xã hội cũng tăng theo nhờ đó đảm bảo tính kịp thời và công bằng xã hội. Nhược điểm của cách tính này là tiền lương tối thiểu bị chi phối bởi nhiều yếu tố của sản xuất kinh doanh và mức tăng trưởng kinh tế, do đó khó áp dụng cho đối tượng hưởng trợ giúp bởi hầu hết họ đều không tham gia quan hệ lao động.

- Xác định mức chuẩn trợ cấp xã hội dựa vào mức sống trung bình của dân cư. Mức chuẩn trợ cấp xã hội thấp nhất thông thường cũng bằng 30% - 40% mức sống trung bình của cộng đồng dân cư. Các tính này có ưu điểm là sát với thực tế cuộc sống bởi được tính toán trên cơ sở nhu cầu chi tiêu cho đời sống. Tuy nhiên, số liệu về mức sống trung bình của cộng đồng dân cư hai năm mới công bố một lần (theo số liệu của Tổng cục thống kê) và thường công bố chậm sau 1 năm nên độ tin cậy về số liệu chưa cao.

Mỗi phương pháp đều có ưu, nhược điểm riêng. Về lý thuyết, phương pháp thứ ba được tính toán khoa học, phù hợp nhưng vấp

phải hạn chế lớn là sự phụ thuộc vào số liệu của Tổng cục thống kê. Phương pháp này cũng đã từng được đề xuất để tính trợ cấp cho đối tượng người có công nhưng cũng vấp phải những khó khăn trong thực tiễn khiến không thực hiện được. Trên cơ sở cân nhắc giữa các phương pháp, phương pháp thứ 2 (dựa vào tiền lương tối thiểu) là phù hợp với nguyên tắc xác định mức trợ cấp chuẩn và có tính khả thi hơn cả bởi cũng được tính toán chủ yếu trên cơ sở nhu cầu chi tiêu, đảm bảo công bằng, vận dụng linh hoạt theo sự biến động của tăng trưởng kinh tế, giá cả sinh hoạt cho từng thời kì. Mặt khác, cách tính này cũng đảm bảo sự phù hợp với cách tính chung của các chế độ trợ cấp khác trong hệ thống an sinh xã hội như trợ cấp bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội.

Trên cơ sở mức chuẩn trợ cấp xã hội, pháp luật sẽ quy định hệ số trợ cấp cho từng nhóm đối tượng cụ thể căn cứ vào các yếu tố cơ bản như:

- Mức độ khó khăn của cuộc sống do điều kiện tuổi tác, sức khoẻ, bệnh tật, giới tính;
- Hoàn cảnh kinh tế của gia đình và bản thân đối tượng;
- Nhu cầu chi tiêu đảm bảo nhu cầu sinh sống tối thiểu của từng nhóm đối tượng.

Điều này sẽ khắc phục được tình trạng bình quân hoá trợ cấp, trợ giúp xã hội, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong thực hiện chế độ trợ giúp xã hội.

b. Đối với mức trợ cấp đột xuất, cần có những quy định cụ thể về mức trợ cấp chung và những quy định riêng căn cứ vào những đặc điểm về vùng, miền nhằm tránh tình trạng chênh lệch giữa các địa phương về

mức trợ cấp (các địa phương chủ động tăng mức trợ cấp phụ thuộc vào ngân sách địa phương). Trên cơ sở quy định chung và riêng theo khu vực, vùng, miền này các địa phương được phép chủ động xác định mức cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhưng không thấp hơn mức do Nhà nước quy định.

Cũng cần lưu ý khi quy định về mức trợ cấp nói chung phải chú trọng đến khả năng vươn lên của đối tượng, không nặng về tính cứu tế, trợ giúp trước mắt như hiện nay. Việc thực hiện trợ giúp cần dựa trên quan điểm “giúp cho họ cái cần câu chứ không phải xâu cá” để chú trọng đến các hình thức trợ giúp khác như bổ túc văn hoá, học nghề, tạo việc làm, tư vấn hướng nghiệp...

4. Cần chú trọng đến vấn đề xã hội hoá công tác trợ giúp xã hội

Thời gian qua, bên cạnh những thành công của công tác trợ giúp xã hội do Nhà nước đảm bảo thực hiện không thể không kể đến sự đóng góp to lớn của cộng đồng. Trong điều kiện hiện nay, khi những giá trị đạo đức, truyền thống ngày càng bị mờ nhạt do ảnh hưởng tiêu cực của sự phát triển nền kinh tế thị trường càng đòi hỏi pháp luật phải có những quy định nhằm khuyến khích, phát huy những giá trị cao đẹp của con người. Xã hội hoá công tác trợ giúp xã hội cần phải được chú trọng trong các quy định pháp luật về trợ giúp. Có thể đề xuất một số giải pháp sau:

- Thiết lập các mô hình chăm sóc đối tượng trợ giúp tại cộng đồng. Đối với các đối tượng đủ điều kiện được sinh sống và chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà

nước thay vì đưa vào các cơ sở vốn đã quá tải hiện nay, chúng ta nên vận động, khuyến khích các gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng, chăm sóc. Mô hình này còn được gọi là mô hình “chăm sóc thay thế” và thực hiện rất thành công ở các nước có hệ thống an sinh xã hội tiên bộ như Thụy Điển, Đan Mạch... Trong khu vực, Thái Lan cũng là quốc gia bắt đầu áp dụng mô hình này. Đối tượng trợ giúp trong mô hình này chủ yếu là trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, người già cô đơn... Chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc được Nhà nước đảm bảo bằng khoản trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng và trợ cấp hỗ trợ chăm sóc đối tượng. Các gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng phải thoả mãn một số điều kiện nhất định nhằm tránh lợi dụng, trục lợi hoặc vì các mục đích khác không có tính nhân đạo. Hướng ưu tiên là lựa chọn các gia đình họ hàng, người giám hộ, đỡ đầu... của đối tượng. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc tại các gia đình này đặt dưới sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn (có thể giao cho các cơ sở bảo trợ xã hội hoặc nhân viên xã hội).

Mô hình này có nhiều ưu điểm như tạo cho đối tượng không gian sống hoà nhập, tình cảm như những người thân trong gia đình, được chăm sóc, giáo dục kịp thời, giảm tải gánh nặng cho Nhà nước... Chúng ta cũng đang bước đầu nghiên cứu thí điểm mô hình chăm sóc này dưới sự hỗ trợ hợp tác của Chính phủ Thụy Điển đối với đối tượng trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi ở 4 tỉnh Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai và Bình Dương. Trước những ưu điểm và tính khả thi của mô hình này, trong tương lai chúng ta cần mở rộng

phạm vi thực hiện. Đây được coi là giải pháp quan trọng nhằm xã hội hoá công tác trợ giúp xã hội tiến tới đảm bảo thực hiện chế độ đối với các đối tượng đủ điều kiện (theo Báo cáo tổng kết công tác trợ giúp xã hội năm 2005 của Vụ bảo trợ xã hội – Bộ LĐTB&XH, chúng ta mới đảm bảo thực hiện chế độ cho 52,67% đối tượng có nhu cầu trợ giúp thường xuyên).

Một giải pháp nữa là thiết lập mô hình “nhà xã hội” ở các địa phương nuôi dưỡng và chăm sóc đối tượng trợ giúp. Đối tượng sống trong nhà xã hội này là những đối tượng đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước song do quy mô, điều kiện hạn chế của các cơ sở, không đủ khả năng tiếp nhận nuôi dưỡng và chăm sóc nên họ được tiếp nhận vào nhà xã hội. Các đối tượng này được hưởng trợ cấp hàng tháng và được chăm sóc bởi các nhân viên xã hội. Nhà xã hội được thành lập ở các địa phương và do địa phương quản lý, tổ chức thực hiện. Có thể sử dụng các hình thức liên kết, hợp tác giữa chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể như hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, các tổ chức tôn giáo, chùa chiền... hợp tác thực hiện.

- Thiết lập hệ thống mạng lưới nhân viên xã hội. Mạng lưới nhân viên xã hội bao gồm nhân viên làm việc tại cộng đồng, nhân viên làm việc trong các cơ sở bảo trợ xã hội, các trung tâm chăm sóc trẻ em, trung tâm tư vấn tâm lý, sức khỏe, trong các nhà xã hội, tư vấn cho các gia đình nhận nuôi đối tượng... Bên cạnh yêu cầu về tư cách đạo đức, tình thương yêu, các nhân viên xã hội cần có những kỹ năng nhất định trong việc nuôi

dưỡng và chăm sóc đối tượng. Họ có thể là những người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người làm việc theo hợp đồng trong các cơ sở nuôi dưỡng hoặc có thể là các nhân viên tình nguyện.

Ở các quốc gia phát triển, quan hệ xã hội được chú trọng, trong hệ đào tạo đại học có cả chuyên ngành đào tạo cán bộ nhân viên xã hội (Đại học Stockholm - Thụy Điển). Việt Nam chúng ta có trường Đại học lao động - xã hội, có đầy đủ điều kiện để đào tạo và thiết lập hệ thống nhân viên xã hội có chuyên môn nghiệp vụ đảm nhiệm công việc này. Nếu thiết lập được mạng lưới nhân viên xã hội vận hành tốt có thể tính tới việc trao cho họ một số quyền hỗ trợ trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát việc nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng tại các gia đình, nhà xã hội, các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập nhằm mục đích chung là thực hiện tốt pháp luật trợ giúp xã hội.

5. Hoàn thiện các quy định về việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực trợ giúp xã hội

Như đã đề cập, đây là mảng nội dung còn nhiều quan điểm và hạn chế trong pháp luật hiện hành về trợ giúp xã hội nói riêng và pháp luật an sinh xã hội nói chung.

Tại nhiều quốc gia (Đức, Thụy Điển, Singapore...) việc giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực này thực hiện theo thủ tục khiếu nại, tố cáo hoặc tố tụng đơn giản bởi họ có hệ thống toà xã hội hoặc toà an sinh xã hội chuyên trách. Tại Việt Nam, cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo được vận hành tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết

bằng con đường tố tụng với việc thiết lập hệ thống toà án mới trong điều kiện hiện nay là không đơn giản, thiếu tính khả thi. Nên chăng, có thể tính đến giải pháp linh hoạt là những tranh chấp về trợ giúp có liên quan đến việc sử dụng ngân sách nhà nước sẽ do toà hành chính giải quyết, những tranh chấp xuất phát từ việc sử dụng nguồn tài chính của các tổ chức, cá nhân sẽ do chính các tổ chức đó giải quyết. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật có thể bị xử phạt vi phạm hành chính, thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự nếu đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm. Muốn vậy, cần có quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trợ giúp xã hội nói riêng, lĩnh vực an sinh xã hội nói chung làm căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Hệ thống thanh tra chuyên trách cũng cần nhanh chóng được thiết lập nhằm thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực này. Hiện nay, chúng ta đã có thanh tra bảo hiểm xã hội, nên chăng có thể giao thêm nhiệm vụ thanh tra lĩnh vực trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội cho các thanh tra này để họ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực an sinh xã hội nói chung.

Song song với việc hoàn thiện các quy định nội dung, về hình thức cần tiến tới ban hành Luật trợ giúp xã hội, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để công tác trợ giúp xã hội được thực hiện tốt. Đây sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh một cách bao quát các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này, khắc phục tình trạng manh mún, chắp vá, thiếu đồng bộ hiện nay./.